CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng số 3 Hải Phòng

Ngày 31/12/2025	26,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**3.8%**	**1.9%**

DT thuần
Q4/25
23.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.70| 13.3%
YoY: ▲ 1.30| 6.0%

LN thuần
Q4/25
11.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.90| -42.6%
YoY: ▲ 7.12| 150%

LN sau thuế
Q4/25
11.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.80| -37.1%
YoY: ▲ 6.34| 123%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
70.9%
YoY: +/-▲ 11.5%

ROE
2025
6.8%
YoY: +/-▲ 1.6%

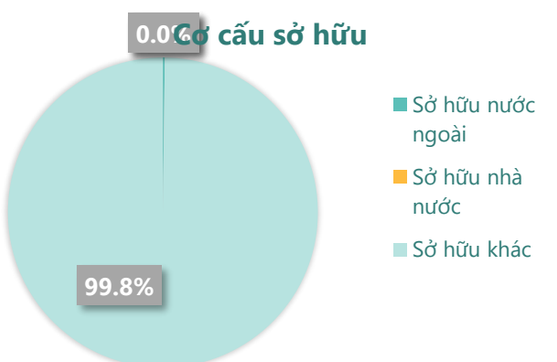
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,630 - 28,229
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	548
Số lượng CPLH (CP)	20,685,717
KLGD BQ 20 phiên (CP)	750
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.10)
EPS	2,086
P/E	12.7

DT thuần
2025
73.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.30| -6.8%

LN thuần
2025
45.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.30| 8.0%

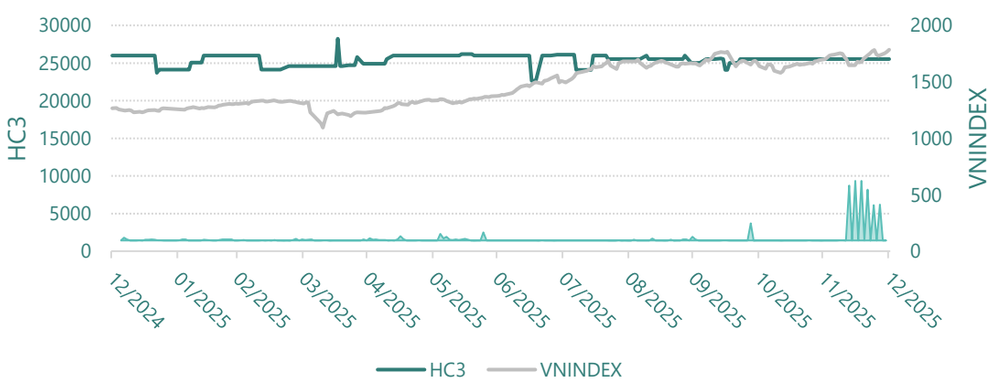
LN sau thuế
2025
43.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.80| 18.7%

Cơ cấu sở hữu

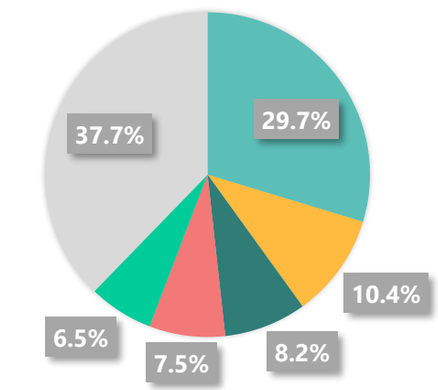


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



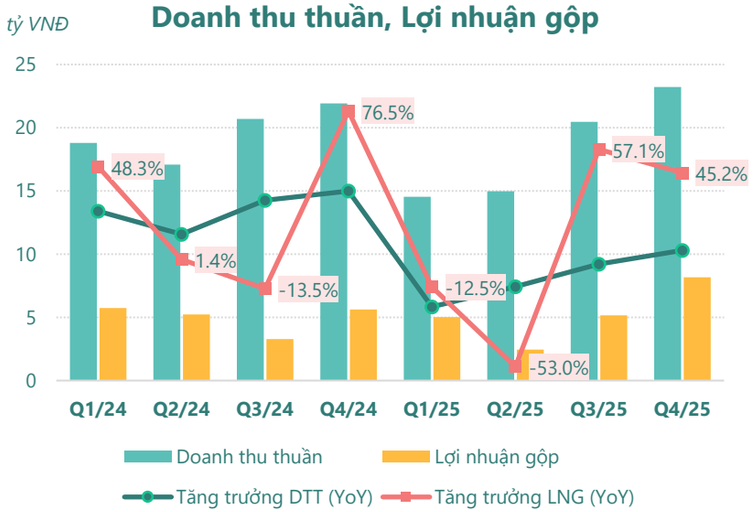
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

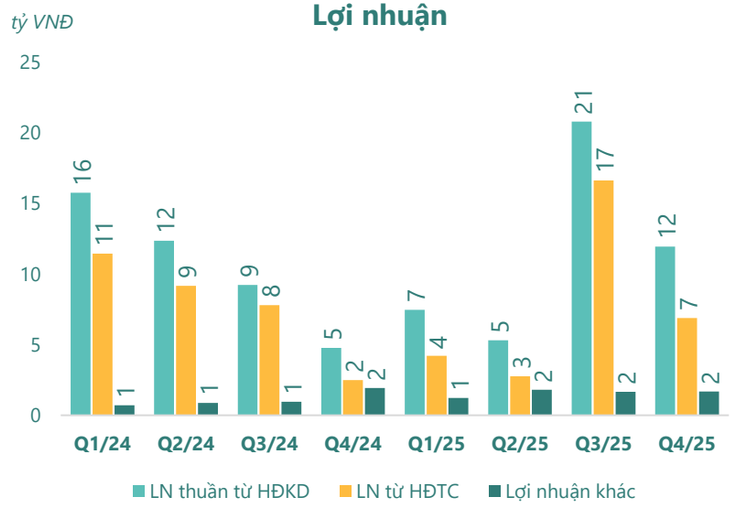
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



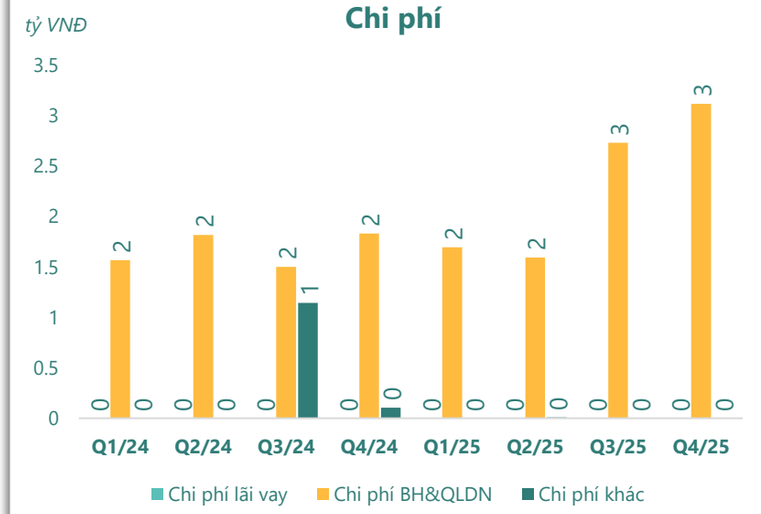
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



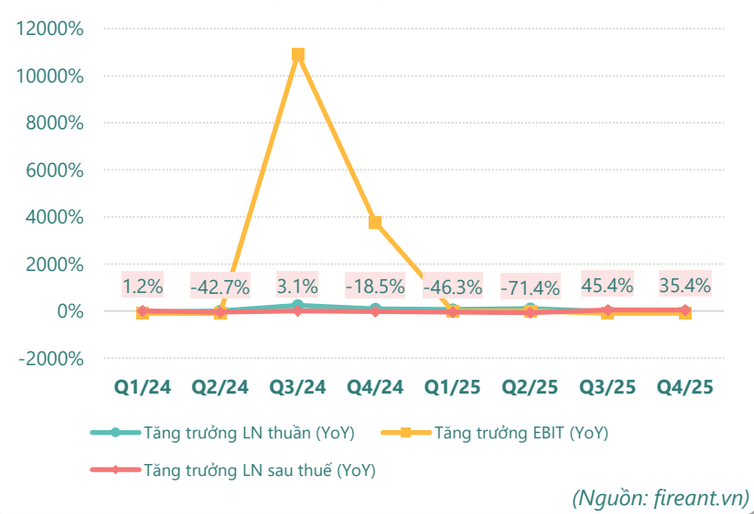
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



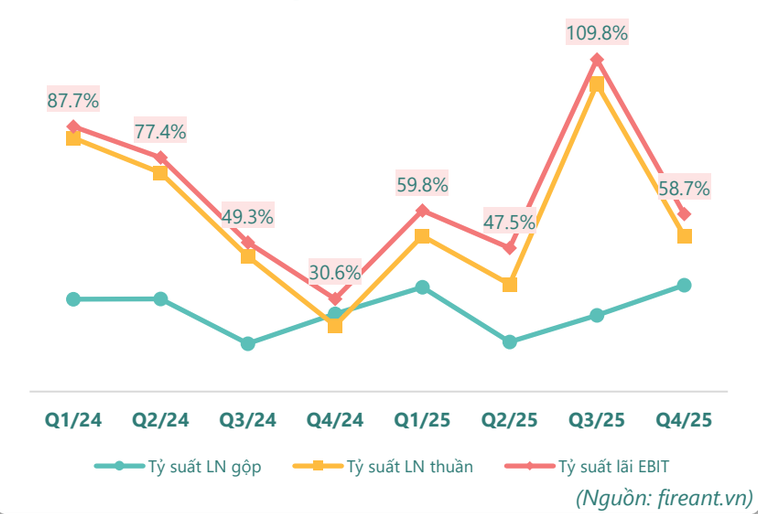
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



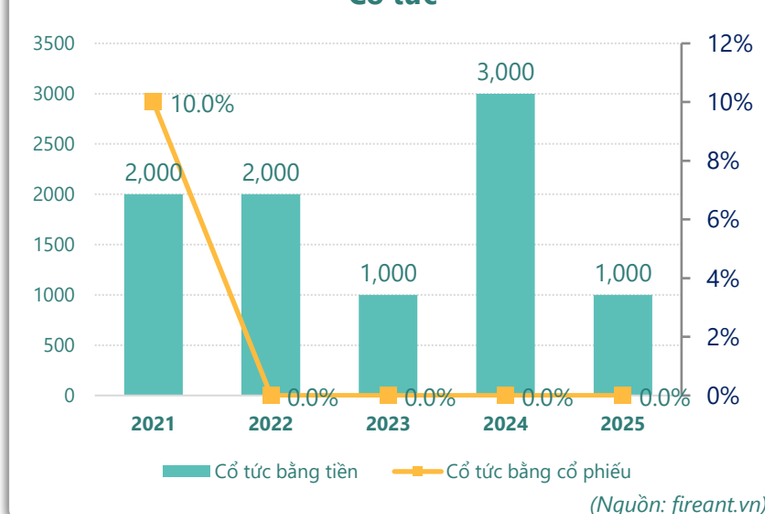
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

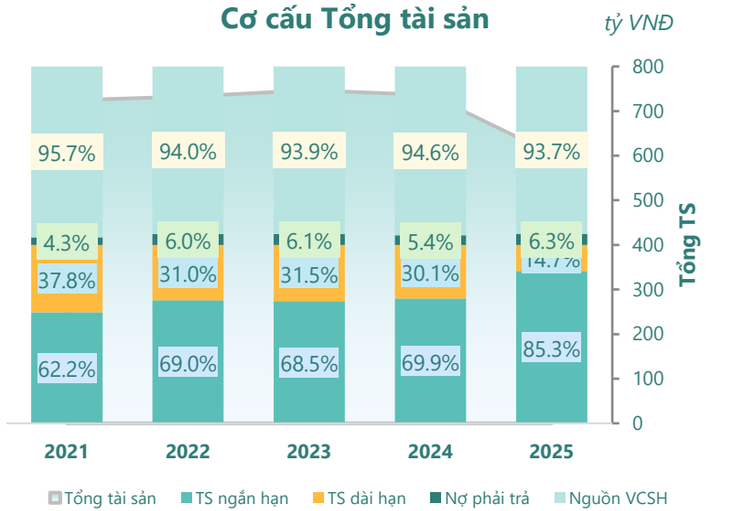
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

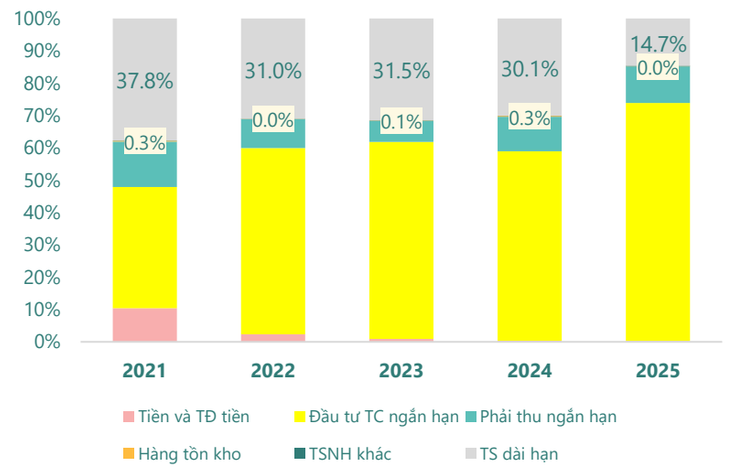
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



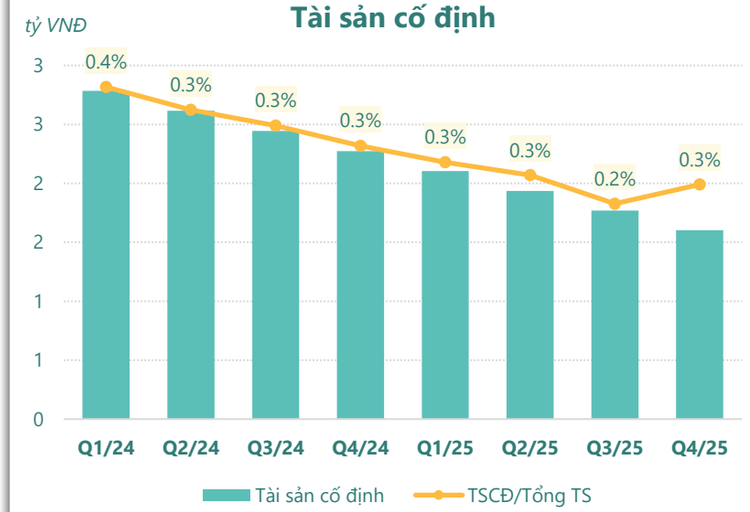
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



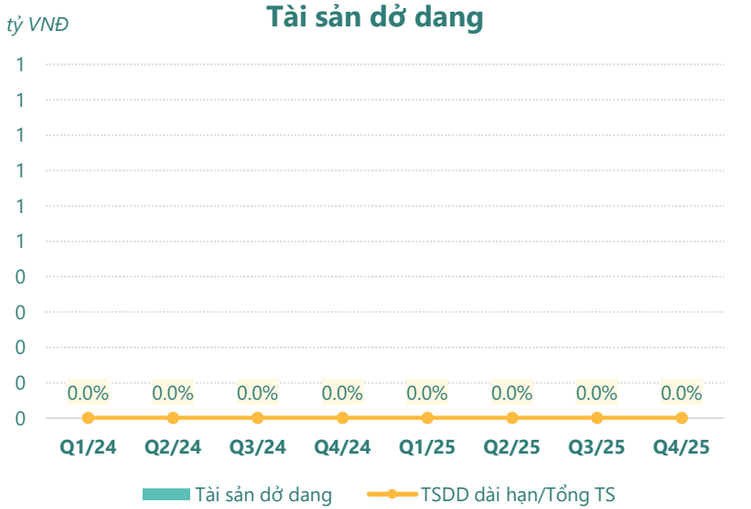
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



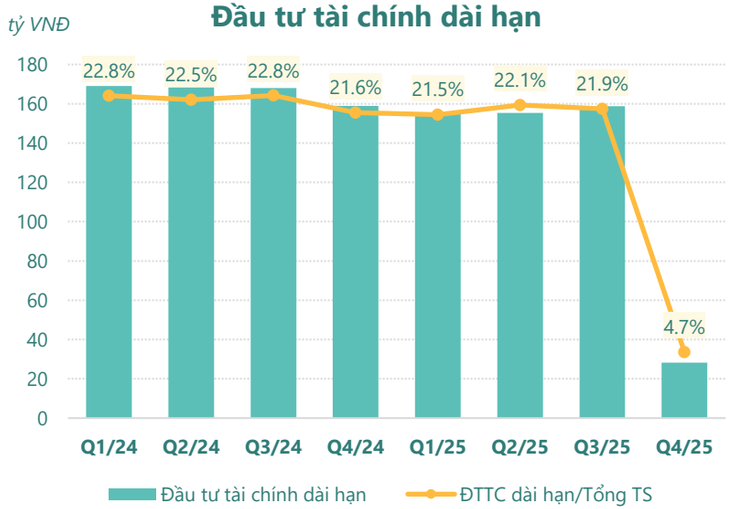
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



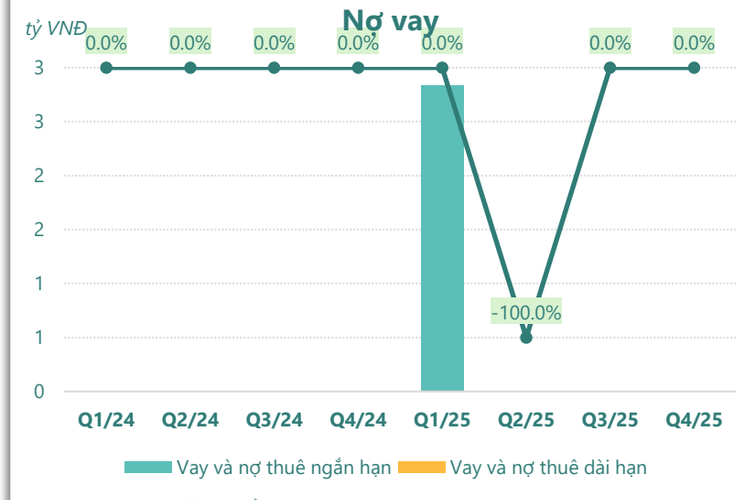
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

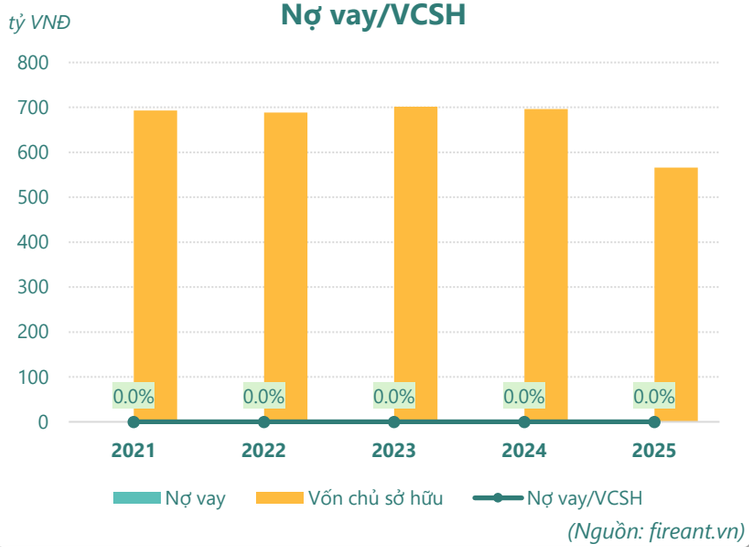
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

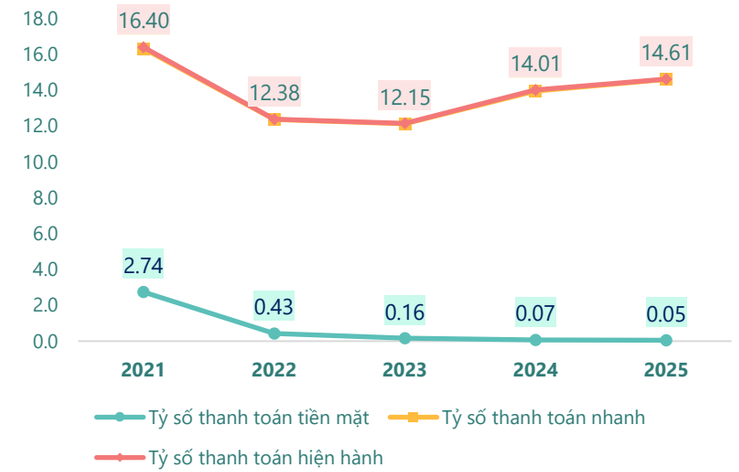
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



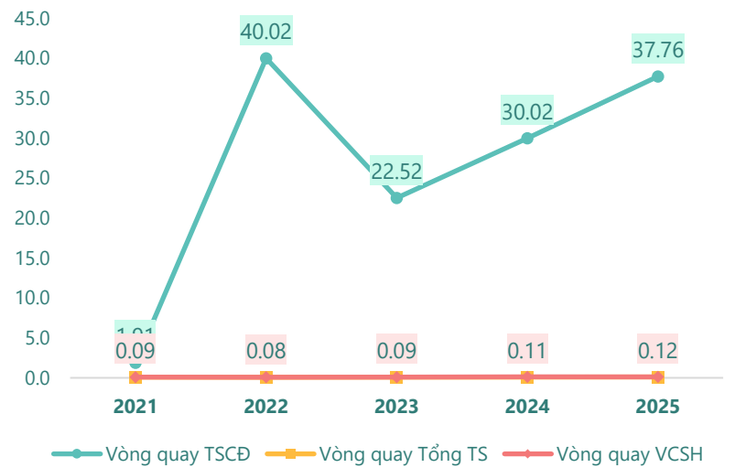
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



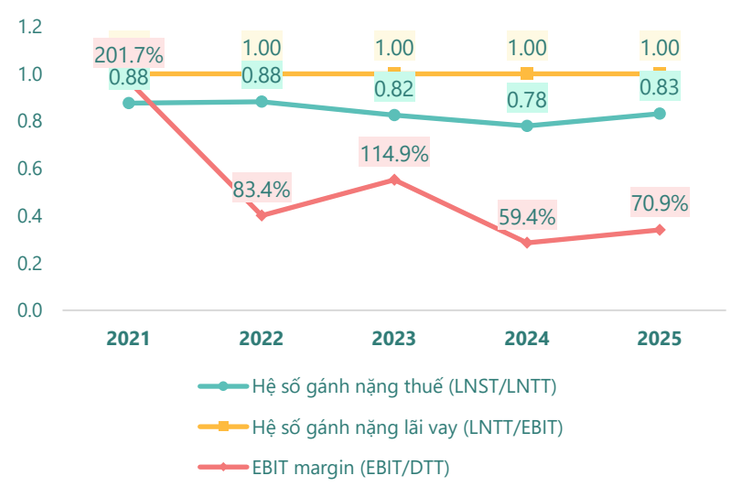
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



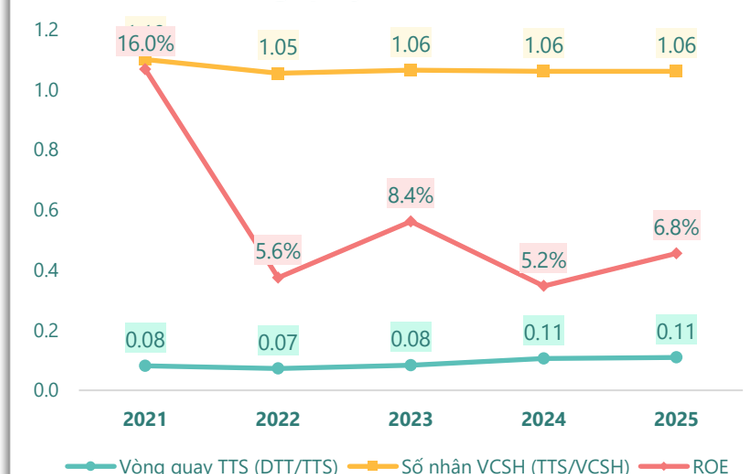
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



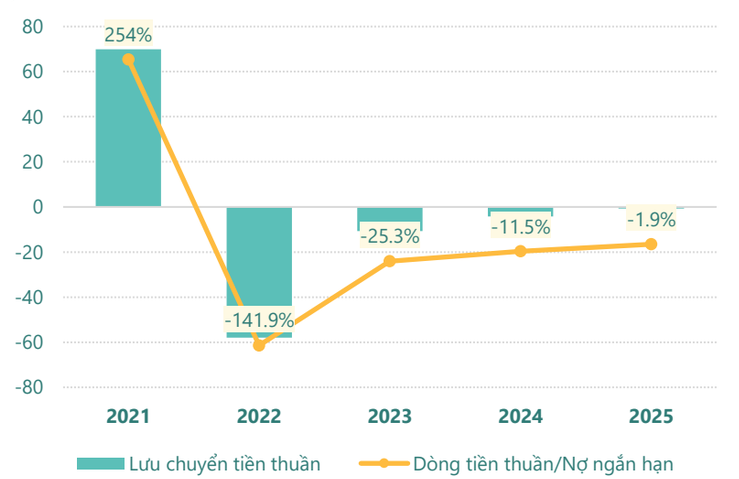
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**23.2**	**21.9**	**6.0%**	**73.2**	**78.5**	**-6.8%**
Giá vốn hàng bán	15.1	16.3	-7.7%	52.4	58.6	-10.6%
Lợi nhuận gộp	8.17	5.63	45.1%	20.8	19.9	4.7%
Doanh thu HĐTC	9.87	6.85	44.1%	32.5	33.2	-2.4%
Chi phí TC	2.97	4.37	-32.0%	1.93	2.32	-16.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**-1.49**	**100%**	**3.37**	**-1.91**	**277%**
Chi phí bán hàng	1.09	0.11	887%	1.99	0.33	509%
Chi phí QLDN	**2.04**	**1.73**	**17.7%**	**7.15**	**6.40**	**11.8%**
LN thuần từ HĐKD	11.9	4.78	150%	45.5	42.2	8.0%
Lợi nhuận khác	**1.67**	**1.93**	**-13.2%**	**6.36**	**4.47**	**42.4%**
LN trước thuế	13.6	6.71	103%	51.9	46.6	11.3%
Lợi nhuận sau thuế	**11.5**	**5.16**	**123%**	**43.2**	**36.4**	**18.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.5**	**5.16**	**123%**	**43.2**	**36.4**	**18.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.2	-49.1	-11.1	-2.24	49.0	3.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.9	49.6	23.6	26.9	-46.1	-8.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.39	0	-13.0	-23.5	0	0
Tiền đầu kỳ	2.25	1.92	2.47	2.02	3.15	6.11
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.33**	**0.55**	**-0.45**	**1.13**	**2.95**	**-4.29**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	1.92	2.47	2.02	3.15	6.11	1.81

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**604**	**736**	**-17.9%**
Tài sản ngắn hạn	516	515	0.2%
Tiền và tương đương tiền	1.81	2.47	-26.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	445	431	3.1%
Phải thu ngắn hạn	68.2	78.5	-13.1%
Hàng tồn kho	0.21	1.90	-89.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.71	0.29	146%
Tài sản dài hạn	**88.7**	**221**	**-59.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.60	2.27	-29.5%
Bất động sản đầu tư	49.1	54.3	-9.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	28.2	157	-82.0%
Tài sản dài hạn khác	**9.72**	**7.51**	**29.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.9	39.6	-4.2%
Nợ ngắn hạn	**35.3**	**36.7**	**-4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.97	0.71	35.5%
Nợ dài hạn	2.64	2.83	-6.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**566**	**696**	**-18.6%**
Vốn chủ sở hữu	**566**	**696**	**-18.6%**
Vốn điều lệ	207	207	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)